

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL FINANCIAL INVESTMENT CONSULTANT AND TRADE PROMOTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GLOBAL FIT CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110444907

3. Ngày thành lập: 10/08/2023

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, ngách 28/2 Ông Ích Khiêm, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986017090

Fax:

Email: [Toancauficorp@gmail.com](mailto:Toancauficorp@gmail.com)

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                               | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)                                           | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                        | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                    | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                      | 4633     |
| 6.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo<br>Thực hiện theo Nghị định 67/2013/NĐ-CP                                                                                                                       | 4634     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                    | 4649     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không bao gồm mua bán vàng miếng)                                                                                                                             | 4662     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                               | 4663     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>(Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)                                                                | 4669     |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các công trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu, vận chuyển, thông quan hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299(Chính) |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                               | 6619        |
| 14. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm theo Luật kinh doanh bảo hiểm.                                                                                        | 6622        |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản                                 | 6810        |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Loại trừ ngành nghề đấu giá theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản                                                      | 6820        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán);                                                                   | 7020        |
| 18. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                              | 7310        |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                               | 7410        |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                           | 4719        |
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4721        |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                             | 4722        |
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4723        |
| 24. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Thực hiện theo Nghị định 67/2013/NĐ-CP                                                                                | 4724        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm thuốc lá<br>Thực hiện theo Nghị định 67/2013/NĐ-CP                                                                                                                         | 1200        |
| 26. | In ấn                                                                                                                                                                                        | 1811        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>-Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ;<br>-Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ;<br>-Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ;<br>-Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (thực hiện theo Nghị định 67/2013/NĐ-CP);<br>-Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>-Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>-Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ;<br>-Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ;<br>-Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu. | 4781 |
| 28. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm: hóa chất, động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư; kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu; bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4784 |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4799 |
| 30. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8211 |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4752 |
| 32. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4753 |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759 |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng miếng, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>THANH      | P504, No8a-1<br>ĐTSD, Phường<br>Phúc Đồng, Quận<br>Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 10,000       | 0271870094<br>68                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>ĐĂNG<br>TRƯỜNG | Số 2, ngách 28/2<br>Ông Ích Khiêm,<br>Phường Điện<br>Biên, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 10,000       | 0270810002<br>44                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                   |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ TRANG | P1205 GH4 CT17 ĐTVH, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 800.000 | 8.000.000.000 | 80,000 | 027182000336 |
|   |                  |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                   | Tổng số                   | 800.000 | 8.000.000.000 | 80,000 |              |
|   |                  |                                                                                   |                           |         |               |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027182000336

Ngày cấp: 02/05/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P1205 GH4 CT17 ĐTVH, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P1205 GH4 CT17 ĐTVH, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội